

Phụ lục X
QUY ĐỊNH MÔ HÌNH XÃ THÔNG MINH
TỈNH BẾN TRE GIAI ĐOẠN 2021-2025

Mô hình xã thông minh phải đạt ít nhất 07 lĩnh vực dưới đây như sau:

STT	Tên lĩnh vực	Nội dung lĩnh vực	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì hướng dẫn
1	Hạ tầng thông tin	1.1. Tỷ lệ điểm công cộng trọng điểm có phủ sóng wifi (khu vui chơi, thư viện, điểm du lịch, Trạm Y tế,...)	100%	Sở Thông tin và Truyền thông
		1.2. Tỷ lệ hộ gia đình có thiết bị thông minh	≥90%	Sở Thông tin và Truyền thông
		1.3. Có website hoặc Cổng thông tin điện tử xã do Ủy ban nhân dân xã quản lý	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		1.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin để công khai thông tin cảnh báo rủi ro thiên tai, các dự báo thời tiết, thông tin độ mặn, dịch bệnh,...	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		1.5. Cơ sở hạ tầng thông tin quan trọng đáp ứng đầy đủ yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Chính sách, nguồn nhân lực	2.1. Có chủ trương hoặc chính sách quan trọng liên quan đến phát triển nông thôn thông minh (Chính sách bao gồm các văn bản: Nghị quyết, kế hoạch tổng thể cho phát triển nông thôn thông minh)	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		2.2. Tỷ lệ cán bộ công chức cấp xã có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên.	100%	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Công khai, cơ chế phản hồi và nhận phản hồi	3.1. Tỷ lệ thông tin dịch vụ công được cung cấp công khai tối thiểu trên 3 phương tiện bao gồm website hoặc cổng thông tin điện tử, truyền thông trong khu dân cư (loa) và công bố tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã; Có cơ chế phản hồi thông tin thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và	100%	Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành liên quan)

	thông tin	truyền thông (Các hệ thống phản hồi thông tin là một trong số các loại hình như email, tin nhắn, website hoặc cổng thông tin điện tử, ứng dụng trên thiết bị thông minh)		
		3.2. Tỷ lệ thông tin quy hoạch được công khai tối thiểu trên 3 phương tiện bao gồm website hoặc cổng thông tin điện tử, truyền thông trong khu dân cư (loa) và tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã. Có cơ chế phản hồi thông tin thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (các hệ thống phản hồi thông tin là một trong số các loại hình như email, tin nhắn, website hoặc cổng thông tin điện tử, ứng dụng trên thiết bị thông minh)	100%	Sở Xây dựng (cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông)
		3.3. Tỷ lệ thông tin ngân sách được cung cấp công khai tối thiểu trên 3 phương tiện bao gồm website hoặc cổng thông tin điện tử, truyền thông trong khu dân cư (loa) và công bố tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã. Có cơ chế phản hồi thông tin thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (Các hệ thống phản hồi thông tin là một trong số các loại hình như email, tin nhắn, website hoặc cổng thông tin điện tử, ứng dụng trên thiết bị thông minh)	100%	Sở Tài chính (cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông)
		3.4. Có dữ liệu điện tử đánh giá sự phản hồi của người dân định kỳ theo năm về các lĩnh vực dịch vụ công, quy hoạch, ngân sách	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng, Sở Tài chính)
4	Khảo sát sự hài lòng của người dân về tiến bộ của xã	Tỷ lệ người dân được khảo sát về sự hài lòng đối với sự tiến bộ của xã trong phục vụ hành chính (Dữ liệu thực hiện khảo sát theo hình thức lấy mẫu, ưu tiên hình thức khảo sát qua ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông. Các mức độ tiến bộ bao gồm: thụt lùi, không tiến bộ,	100%	Sở Nội vụ (cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông)

		tiến bộ không rõ rệt, tiến bộ rõ rệt)		
5	Dịch vụ công	5.1. Tỷ lệ các dịch vụ hành chính công sử dụng duy nhất một mã số điện tử thay thế cho chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc số định danh của pháp nhân và các tổ chức xã hội (Tổng số các dịch vụ được xác định căn cứ trên tình hình thực tế và văn bản pháp luật, quy định có liên quan)	100%	Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh)
		5.2. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình	100%	Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh)
6	Y tế	6.1. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử	Đạt	Sở Y tế (cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông)
		6.2. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa	Đạt	
7	An toàn vệ sinh thực phẩm	Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải đảm bảo đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định hiện hành	100%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Y tế, hướng dẫn nội dung thuộc phạm vi quản lý (cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông)
8	Giáo dục	8.1. Tỷ lệ phòng học đa phương tiện (Phòng học đa phương tiện là phòng học được trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, Internet. Phòng học thuộc các trường tiểu học, trung học cơ sở loại hình công, bán công, tư có trụ sở trên địa	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo (Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông)

		bàn xã)		
		8.2. Tỷ lệ lớp học thuộc các trường tiểu học và trung học cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin trong liên lạc với nhà trường	100%	
9	Lao động	9.1. Tỷ lệ lao động (có nhu cầu) được tiếp cận thông tin việc làm nhờ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong tổng số lao động có nhu cầu về việc làm (lao động có nhu cầu ở đây bao gồm người đăng ký thất nghiệp, người gặp khó khăn trong tìm việc làm và người nhận bảo hiểm thất nghiệp. Các loại hình cung cấp thông tin bao gồm tin nhắn, ứng dụng trên thiết bị thông minh, trang tin điện tử)	100%	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông)
		9.2. Tỷ lệ việc làm được giải quyết thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (Dịch vụ việc làm được giải quyết thông qua các phương thức tin nhắn, ứng dụng trên thiết bị thông minh, trang tin điện tử)	≥50%	
10	Đảm bảo an ninh, trật tự xã hội	10.1. Có hệ thống Camera giám sát an ninh kết hợp ứng dụng phần mềm hỗ trợ giám sát thông minh.	Đạt	Công an tỉnh
		10.2. Có ứng dụng tương tác và xử lý phản ánh về an ninh, trật tự của người dân cho chính quyền xã.	Đạt	